TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2022
V/v Ly hôn giữa chị L và anh Q .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Phụng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thuý
2. Ông Phạm Hồng Lưu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tùng Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2022/QĐXX-ST ngày 23 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Trần Thị L, sinh năm 1977; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

Bị đơn: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1976; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Dương Trần Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào khoảng năm 1998, do mai mối, tìm hiểu, chị Dương Trần Thị L và anh Trần Văn Q tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, mất lòng tin lẫn nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ đó, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được nên chị L khởi kiện xin được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Có 02 con chung: Cháu Trần Thị N, sinh năm 1999 và cháu Trần Văn T, sinh năm 2001. Hiện hai cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Trần Văn Q vắng mặt không rõ lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Trần Thị L và anh Trần Văn Q.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung: Cháu Trần Thị N, sinh năm 1999 và cháu cháu Trần Văn T, sinh năm 2001. Hiện các cháu đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản chung, nghĩa vụ chung: Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có phát sinh tranh chấp.

Về án phí Hôn nhân và gia đình: Chị L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật*: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về Ly hôn, về nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn và nghĩa vụ chung. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc tham gia tố tụng*: Bị đơn anh Trần Văn Q vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân của chị L và anh Q được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị L và anh Q là hợp pháp. Chị L xác định thời gian đầu chung sống, tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng thời gian sau này thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, mất lòng tin lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân

với nhau. Thời gian dài sống ly thân, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị L nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết thì cũng tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh Q đều vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, chị L cương quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh Q, anh Q tiếp tục vắng mặt không rõ lý do. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị L yêu cầu xin ly hôn với anh Q là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Có 01 con chung: Cháu Trần Thị N, sinh năm 1999 và cháu cháu Trần Văn T, sinh năm 2001, hiện hai cháu đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung*: Chị L xác định không có, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, anh Q vắng mặt không rõ lý do nên không ghi nhận được ý kiến của anh Q về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Do đó, cần tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi phát sinh tranh chấp.

[3] *Án phí*: Nguyên đơn chị L phải chịu án phí theo quy định.

[4] Từ những căn cứ trên, việc Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Dương Trần Thị L và anh Trần Văn Q.

2. *Về nuôi con chung*: Có 02 con chung: Cháu Trần Thị N, sinh năm 1999 và cháu Trần Văn T, sinh năm 2001, hiện hai cháu đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. *Về chia tài sản chung*; *Nghĩa vụ chung*: Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có phát sinh tranh chấp.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009260 ngày 04 tháng 4 năm 2022 thành tiền án phí. Công nhận chị L đã nộp xong.

5. *Án tuyên công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.*

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7 a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Thạnh Phú;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Phụng